

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM

(Ngày 16 tháng 12 năm 2022)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Lưu Thị Hằng** Ngày tháng năm sinh: 07/6/1981
- Chức vụ/chức danh công tác : Phó Bí thư Chi bộ, Phó Hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường THCS Lê Hồng Phong, quận Hà Đông.
- Nơi thường trú: Phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, TP Hà Nội.
- Số căn cước công dân hoặc chứng minh thư nhân dân : 011650463 ngày cấp 14/3/2009 nơi cấp Công an thành phố Hà Nội.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Đinh Hồng Hải** Ngày tháng năm sinh : 28/8/1971
- Nghề nghiệp: Cán bộ chi cục thuế Hà Đông.
- Nơi làm việc: Chi cục thuế, quận Hà Đông.
- Nơi thường trú : Phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, TP Hà Nội.
- Số căn cước công dân hoặc chứng minh thư nhân dân: 111574604 ngày cấp 12/6/2012 nơi cấp Công an thành phố Hà Nội.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **Đinh Ngọc Linh**
- Ngày, tháng, năm sinh: 01/5/2005.
- Nơi thường trú: Phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, TP Hà Nội.
- Số căn cước công dân hoặc chứng minh thư nhân dân

b) Con thứ hai:

- Họ và tên: **Đinh Gia Hưng**
- Ngày, tháng, năm sinh: 06/11/2011.
- Nơi thường trú: Phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, TP Hà Nội.
- Số căn cước công dân hoặc chứng minh thư nhân dân

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Số 11, ngách 3, ngõ 11, Tô Hiệu, Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Hà Nội

- Diện tích⁽⁹⁾: 22 m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 900.000.000 đồng

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: tên người được cấp Lưu Thị Hằng và Đinh Hồng Hải.

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾: không có

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Tại Phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, TP Hà Nội.
- Loại nhà: cấp IV
- Diện tích sử dụng: 75 m²
- Giá trị:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Đình Hồng Hải và Lưu Thị Hằng.
- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Nhà số 2810 - Chung cư Phú Thịnh Green Park - Hà Đông - Hà Nội.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: không có

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:
- Loại công trình:..... Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: không có3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾: không có

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾: không có

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: không có

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: không có

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên: 150.000.000 đồng

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ



50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): không có

6.1. Cổ phiếu: không có

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu: không có

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: ...
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: ...

6.3. Vốn góp⁽²²⁾: không có

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾: không có

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....
- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾: không có

- Tên tài sản: Xe ô tô Vios Số đăng ký: 30F - 932.81 Giá trị: 650.000.000 đồng
- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: không có

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:
- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: ...

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: không có

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: không có

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:
- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: không

- Tổng thu nhập của người kê khai: 130 triệu đồng
- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 120 triệu đồng
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:
- Tổng các khoản thu nhập chung: 220 triệu đồng

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này): không

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			

<p>3. Tài sản khác gắn liền với đất</p> <p>3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất</p> <p>3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất</p> <p>4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên</p> <p>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.</p>			
---	--	--	--

Hà Đông, ngày ... tháng ... năm ...
NGƯỜI NHẬN BÀN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Hà Đông, ngày 16 tháng 12 năm 2022
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Luu Thị Hằng

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM

(Ngày 16 tháng 12 năm 2022)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Lưu Thị Hằng** Ngày tháng năm sinh: 07/6/1981
- Chức vụ/chức danh công tác : Phó Bí thư Chi bộ, Phó Hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường THCS Lê Hồng Phong, quận Hà Đông.
- Nơi thường trú: Phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, TP Hà Nội.
- Số căn cước công dân hoặc chứng minh thư nhân dân : 011650463 ngày cấp 14/3/2009 nơi cấp Công an thành phố Hà Nội.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Đinh Hồng Hải** Ngày tháng năm sinh : 28/8/1971
- Nghề nghiệp: Cán bộ chi cục thuế Hà Đông.
- Nơi làm việc: Chi cục thuế, quận Hà Đông.
- Nơi thường trú : Phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, TP Hà Nội.
- Số căn cước công dân hoặc chứng minh thư nhân dân: 111574604 ngày cấp 12/6/2012 nơi cấp Công an thành phố Hà Nội.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **Đinh Ngọc Linh**
- Ngày, tháng, năm sinh: 01/5/2005.
- Nơi thường trú: Phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, TP Hà Nội.
- Số căn cước công dân hoặc chứng minh thư nhân dân

b) Con thứ hai:

- Họ và tên: **Đinh Gia Hưng**
- Ngày, tháng, năm sinh: 06/11/2011.
- Nơi thường trú: Phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, TP Hà Nội.
- Số căn cước công dân hoặc chứng minh thư nhân dân

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Số 11, ngách 3, ngõ 11, Tô Hiệu, Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Hà Nội

- Diện tích⁽⁹⁾: 22 m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 900.000.000 đồng

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: tên người được cấp Lưu Thị Hằng và Đinh Hồng Hải.

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾: không có

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Tại Phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, TP Hà Nội.
- Loại nhà: cấp IV
- Diện tích sử dụng: 75 m²
- Giá trị:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Đinh Hồng Hải và Lưu Thị Hằng.
- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Nhà số 2810 - Chung cư Phú Thịnh Green Park - Hà Đông - Hà Nội.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: không có

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:
- Loại công trình:..... Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: không có3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾: không có

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾: không có

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: không có

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: không có

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên: 150.000.000 đồng

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ

50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): không có

6.1. Cổ phiếu: không có

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu: không có

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾: không có

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾: không có

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾: không có

- Tên tài sản: Xe ô tô Vios Số đăng ký: 30F - 932.81 Giá trị: 650.000.000 đồng

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: không có

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: không có

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: không có

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: không

- Tổng thu nhập của người kê khai: 130 triệu đồng

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 120 triệu đồng

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:

- Tổng các khoản thu nhập chung: 220 triệu đồng

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này): không

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			

<p>3. Tài sản khác gắn liền với đất</p> <p>3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất</p> <p>3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất</p> <p>4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên</p> <p>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.</p>			
---	--	--	--

Hà Đông, ngày ... tháng ... năm ...
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Hà Đông, ngày 16 tháng 12 năm 2022
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
 (Ký, ghi rõ họ tên)



Lưu Thị Hằng